

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2022/DS-PT

Ngày: 12-7-2022

*V/v Đòi lại tài sản và yêu cầu bồi
thường thiệt hại về tài sản, sức khỏe,
tinh thần*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngôn Ngọc Viên

Các Thẩm phán: Ông Nông Hà Nam

Bà Nguyễn Thị Như

- Thư ký phiên toà: Bà Nông Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Nha - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại R sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2022/TLPT-DS ngày 29 tháng 4 năm 2022 về việc “*Đòi lại tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản, sức khỏe, tinh thần*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 47/2022/QĐ-PT ngày 27 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Vũ Công H - Sinh năm 1961

Địa chỉ: SN 074, tổ 4, phường H.C, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; có mặt

Bị đơn: Nông Văn L - Sinh năm 1963

Địa chỉ: SN 16, Tổ 04, phường H.C, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Phạm Thị B - Sinh năm 1963

Địa chỉ: Số nhà 74, tổ 4, phường H.C, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;
có mặt

Đã ủy quyền cho ông Vũ Công H - theo văn bản ủy quyền ngày 05/4/2021
tại Ủy ban nhân dân phường H.C, thành phố Cao Bằng.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Vũ Công H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/12/2020, bản chính đơn khởi kiện đề ngày 24/01/2021, bản tự khai ngày 01/04/2021, đơn phản biện đề ngày 14/4/2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn Vũ Công H trình bày:

Về mối quan hệ: Ông H là chồng của bà Phạm Thị B, ông H không có quan hệ gì với ông Nông Văn L.

Về yêu cầu khởi kiện: Khoảng ngày 10/5/2020 ông H và vợ (bà Phạm Thị B) có đi xe máy biển kiểm soát 11F9 -1292, bị hớ xéc măng nên đã vào quán sửa xe của ông Nông Văn L để sửa chữa. Sau khi trao đổi, ông L nói phải để lại xe máy của ông H ở lại quán 02 ngày để sửa chữa thì mới lấy lại được, ông H đồng ý. Đến ngày 12/5/2020, ông H đến lấy xe và trả tiền công mà ông L báo giá tiền xéc măng và tiền công là 800.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi đi được 250m thì xe bị kẹt, lúc đó có ông Dương Đình R chứng kiến. Xe không đi được nên hôm sau ông H đã báo với ông L là xe bị kẹt khó nhưng ông L có ý kiến là đi mấy ngày thì xe sẽ chạy trơn chu; sau khi đi mấy ngày thì xe vẫn có hiện tượng kẹt, không chạy được nên đến ngày 20/5/2020, ông H mang xe ra quán ông L để khắc phục lại. Đến ngày 22/5/2020 ông H đến lấy xe thì ông L tự kê bảng kê phụ tùng xe gồm: Tổng hơi giá 1.200.000 đồng, côn 500.000 đồng và công 220.000 đồng, dầu máy 80.000 đồng. Tổng số tiền ông L kê là 2.000.000 đồng, ông H đã nói với ông L là đến ngày 6/7/2020 ông H sẽ trả tiền ông L.

Trước đó, ngày 24/5/2020 ông H có quay trở lại quán nhà ông L và ông L đã mua phụ tùng thay thế xe máy ở đâu, và được ông L cho biết, mua phụ tùng ở chợ Xanh (hiệu S.A). Nên ông H đã đến cửa hàng S.A để hỏi giá. Đến 6/7/2020 ông H đã đến quán ông L để trao đổi với ông L về việc giá cả của ông L chênh lệch so với giá ông H đã hỏi tại S.A nhưng ông L lại có ý kiến do ông L thay phụ tùng tốt cho ông H nên giá mới cao như vậy.

Ông H xác định những phụ tùng ông L thay vào xe máy của ông H là do ông L tự ý thay. Ông H chỉ bảo ông L khắc phục xéc măng chứ không yêu cầu thay phụ tùng mới.

Ngày 6/7/2020, ông H đến trả tiền ông L tuy nhiên ông H có nói với ông L là phải trừ đi số tiền 800.000 đồng mà ông H đã trả trong lần sửa xe máy ngày 12/5/2020 nhưng ông L không nhất trí nên đến chiều 7/7/2020 ông H cùng vợ mang tiền đến trả ông L và vẫn yêu cầu ông L trừ số tiền 800.000 đồng nhưng ông L vẫn không nhất trí nên cả hai bên đã xảy ra tranh chấp, đỉnh điểm ông L đã giữ lại chiếc xe 11F9-1292 của ông H và đòi tháo hết phụ tùng mà ông L đã tự ý lắp trong xe ông H.

Tại phiên tòa, ông H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bổ sung các yêu cầu khác cụ thể như sau:

1. Yêu cầu ông Nông Văn L đối trừ số tiền 800.000đ (tám trăm nghìn đồng) tiền công và phụ tùng thay thế xéc măng của xe máy.

2. Yêu cầu ông Nông Văn L phải lắp lại hoàn chỉnh những phụ tùng của xe máy 11F9 – 1292 và trả lại chiếc xe máy trên cho ông H.

3. Yêu cầu ông Nông Văn L phải bồi thường giá trị hao hụt của xe máy biển kiểm soát 11F9-1292 là 12.500.000đ (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng).

4. Yêu cầu ông Nông Văn L phải bồi thường tổn thất tinh thần, sức khỏe là 18.000.000đ (mười tám triệu đồng).

5. Yêu cầu ông Nông Văn L phải trả lại các tài sản ông Vũ Công H đang cất giữ trong cốp chiếc xe máy biển kiểm soát 11F9-1292 gồm:

- Số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng);
- Các đồ vật gồm 02 (hai) dây cao su; 01 (một) buzi xe máy; 01 (một) kim điện; 02 (hai) cờ lê ước tính giá trị là 120.000đ (một trăm hai mươi nghìn đồng);
- Một túm quần áo lót của bà Phạm Thị B ước tính 100.000đ (một trăm nghìn đồng).

6. Tiền thuê xe đi lại mỗi ngày 50.000đ từ ngày 08/7/2021 đến ngày 24/01/2022 thành tiền là 25.500.000đ.

7. Tiền giá trị còn lại theo định giá của chiếc xe máy 11F9-1292 là 500.000đ (năm trăm nghìn đồng).

Tổng số tiền yêu cầu ông Nông Văn L phải hoàn trả và bồi thường là 107.000.000 (một trăm linh B triệu đồng) – ông H đã tính tròn số.

Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Nông Văn L trình bày:

Về việc sửa xe: Khoảng 8h sáng ngày 16/5/2020, ông H cùng vợ có đến sửa xe tại quán của ông L (ông L, ông H và bà B cùng tổ dân phố), ông H nói là thay xéc măng xe cho ông H để xe nổ được và đi được, ông L đã nhất trí làm, Ông L tháo xe để xem xét tình trạng xe trước mặt ông H chỉ một lúc do ông H không ở lại suốt quá trình sửa xe thì thấy xéc măng xe đã mòn, pít tông và xi lanh của bộ hơi đã bị xước. Do ông H chỉ yêu cầu xử lý xéc măng mà không xử lý vấn đề khác của xe nên ông L chỉ thay xéc măng như yêu cầu của ông H. Ông L đã mua 01 bộ xéc măng 250.000 đồng; 01 gioăng đầu bò 200.000 đồng; 01 phớt chực cần khởi động 20.000 đồng; 01 lọ dầu máy 80.000 đồng và 250.000 đồng tiền công. Tổng cộng 800.000 đồng. Sau khi ông L đã sửa chữa xong, ông L lắp vào xe, đến chiều tối 16/5/2020, ông H đến lấy xe, trả tiền ông L 800.000 đồng và đi thử vài vòng thì ông H nói đã đi được nhưng vẫn hơi khói, ông L đã giải thích nếu chỉ thay xéc măng thì vẫn sẽ có khói và xe không khỏe được và ông H có nói cứ để đi tạm. Đến 20 ngày sau, ông H mang xe quay lại và nói xe không đi được, ông L đã giải thích là do côn đã hỏng, ông H nói để ông L xử lý lại cho ông H để xe khỏe, tiền không thành vấn đề sau đó, ông H để xe lại và đi đâu đó, sau khi ông H có ý kiến như vậy, ông L đã tháo xe để kiểm tra xe và đi mua phụ tùng để thay xe. Sau khi kiểm tra xe, ông L thấy vòng xéc măng vừa thay xong đã gây một vòng, pít tông và xi lanh đã xước quá nhiều, côn do ga ép số nhiều nên đã cháy bó thành cục nên ông L đã mua phụ tùng thay thế gồm: 01 bộ tổng hơi 1.200.000 đồng; 01 bộ tổng côn 500.000 đồng; tiền công 300.000 đồng. Toàn bộ số phụ tùng trên ông L mua ở cửa hàng S.A. Tổng số tiền hết 2.000.000 đồng.

Sau 02 ngày thay thế, sửa chữa xe thì ông H xuống quán ông L lấy xe, ông H có chạy thử xe và có nói xe đã chạy tốt và “ngon” nên ông L đã báo giá với ông H về giá của phụ tùng và công sửa xe là 2.000.000 đồng, ông L đã kê lại những khoản phụ tùng mua và tiền công đưa cho ông H và ông H nhất trí, ông H đã mang xe về và hẹn 02 ngày sau trả tiền ông L tuy nhiên 02 ngày sau ông H vẫn không đến trả tiền cho ông L. 15 ngày sau thời điểm hẹn trả tiền, vợ chồng ông H cùng đến quán ông L, ông L nghĩ hai vợ chồng đến trả tiền nhưng vợ chồng ông H có ý kiến xe vẫn đi tốt nhưng giá cả không hợp lý. Ông H có ý kiến không nhất trí về việc ông L thay xéc măng mới (không nhất trí trả số tiền thay xéc măng mới) và theo như ông H nói, ông H đã khảo sát tại S.A và giá cả của phụ tùng tại S.A và giá cả phụ tùng mà ông L kê cho ông H có chênh lệch nên yêu cầu trừ số tiền đã sửa xe của ngày 12/5/2020 là 800.000 đồng nữa, ông L không nhất trí và đã giải thích cho ông H về việc sửa chữa xe máy và việc thay thế phụ tùng, xéc măng

mới là cần thiết để xe chạy tốt. Hai bên xảy ra tranh chấp, ông L đề nghị tháo lắp những phụ tùng mà ông L đã lắp trong xe máy của ông H và lắp lại phụ tùng cũ của xe ông H lại, ông L yêu cầu ông H và vợ ở lại để sau khi lắp xong, ông H và vợ lấy xe về nhưng sau khi lắp phụ tùng cũ gần xong, vợ chồng ông H tự bỏ về. Sau khi xảy ra sự việc trên, chiếc xe vẫn để ở quán của ông L, ông L đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông H lấy xe về nhưng vợ chồng ông H không chấp nhận đến lấy xe máy về.

Sự việc xảy ra tranh chấp về chiếc xe chỉ có thợ cùng làm với ông L, con dâu ông L, vợ ông L chứng kiến.

Sau khi xảy ra việc ông L và ông H cãi vã nhau, ngay sáng ngày hôm sau, ông L mang xe của ông H đến dựng ở cổng Ủy ban phường H.C và được công an phường gọi ra hòa giải nhưng ông H không nhất trí lấy xe về, công an phường có ý kiến ông L đưa xe về để ở cửa hàng, nếu ông H đến lấy xe thì gọi công an đến lập biên bản. Chiếc xe máy đã để ở quán nhà ông L từ tháng 6/2020 đến ngày tổ chức buổi thẩm định tài sản là ngày 21/6/2021.

Ông L yêu cầu ông H trả cho ông L chi phí lưu bãi là 10.000 đồng/ngày (tính tròn 1 năm là 365 ngày) thành tiền là 3.650.000đ.

Về việc ông H kê khai các tài sản trong cốp xe máy theo ông L là không có căn cứ và ông L cũng chưa mở cốp xe lần nào.

Do vậy, yêu cầu khởi kiện của ông H, ông L không nhất trí, toàn bộ là vu không, sai sự thật.

Tại đơn phản tố đề ngày 05/04/2021 ông Nông Văn L yêu cầu ông Vũ Công H trả lại cho ông L số tiền công tháo lắp, sửa chữa xe máy cho ông H và tiền mua phụ tùng về thay thế và tiền xe lưu bãi tại xưởng của ông L cụ thể:

- + Tiền công tháo lắp 03 lần, mỗi lần 300.000 đồng, tổng là 900.000 đồng.
- + Tiền mua phụ tùng: 01 bộ tổng hơi giá 1.200.000 đồng và 01 bộ tổng công giá 500.000 đồng.
- + Tiền xe lưu bãi 10.000đ/ngày, (tính tròn 1 năm là 365 ngày) thành tiền là 3.650.000đ.

Tổng số tiền ông Vũ Công H phải trả là 6.250.000 đồng

Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị B trình bày:

Bà Phạm Thị B là vợ ông Vũ Công H, bà B không có quan hệ gì với ông Nông Văn L; Bà B nhất trí với lời trình bày và những yêu cầu của ông Vũ Công H.

Về tài sản có trong xe máy 11F9 - 1292 là trực tiếp do bà để vào trong cốp xe trước khi xuống quán của ông L để trả số tiền ông L đã thay thế và sửa chữa xe máy là 2.000.000 đồng. Gồm các tài sản là tiền mặt 50 triệu đồng; một (01) túi quần áo lót đã cũ. Ngoài ra bà B không có ý kiến gì khác.

Luật sư Nguyễn Đ – Văn phòng luật sư Nguyễn Đ, đoàn luật sư tỉnh Cao Bằng là người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông Vũ Công H, vắng mặt, không gửi bản luận cứ bảo vệ. Tại phiên tòa ông Vũ Công H nhất trí về sự vắng mặt của luật sư bảo vệ, đề nghị Toà án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 26/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã:

Căn cứ: điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 271, Điều 273, Điều 147, Điều 157 - Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 166, Điều 119, Điều 170 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Công H và một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nông Văn L.

Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện và yêu cầu khác vượt quá phạm vi đơn khởi kiện tại phiên tòa của ông Vũ Công H gồm các khoản sau:

- Yêu cầu ông Nông Văn L hoàn trả số tiền 800.000đ (tám trăm nghìn đồng) tiền công và phụ tùng thay thế xéc măng của xe máy.

- Yêu cầu ông Nông Văn L phải bồi thường giá trị hao hụt của xe máy biển kiểm soát 11F9-1292 là 12.500.000đ (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) và tiền giá trị còn lại theo định giá của chiếc xe máy 11F9 - 1292 là 500.000,đ00 (năm trăm nghìn đồng).

- Yêu cầu ông Nông Văn L phải bồi thường tổn thất tinh thần, sức khỏe là 18.000.000đ (mười tám triệu đồng).

- Yêu cầu ông Nông Văn L phải trả lại các tài sản ông Vũ Công H đang cất giữ trong chiếc xe máy biển kiểm soát 11F9-1292 gồm: Số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng); Các đồ vật gồm 02 (hai) dây cao su; 01 (một) buzi xe máy; 01 (một) kim điện; 02 (hai) cờ lê ước tính giá trị là 120.000đ (một trăm hai mươi nghìn đồng); Một túm quần áo lót của bà Phạm Thị B ước tính 100.000đ (một trăm nghìn đồng).

- Tiền thuê xe đi lại mỗi ngày 50.000,đ00 từ ngày 08/7/2021 đến ngày 24/01/2022 thành tiền là 25.500.000,đ.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nông Văn L về khoản tiền công tháo lắp xe là 600.000,đ (sáu trăm nghìn đồng) và tiền trông giữ xe máy với số tiền là 3.650.000,đ (Ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng số tiền là 4.250.000, đ (Bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

2. Buộc ông Vũ Công H phải trả cho ông Nông Văn L (địa chỉ: Tổ 4, phường H.C, thành phố Cao Bằng) số tiền mua phụ tùng để thay thế, sửa chữa là: 1.700.000,đ (một triệu bảy trăm nghìn đồng) và 300.000,đ(ba trăm nghìn đồng) tiền công sửa chữa xe máy. Cộng cả hai khoản là 2.000.000, đ (hai triệu đồng).

3. Trả lại cho ông Vũ Công H (địa chỉ: Tổ 4, phường H.C, thành phố Cao Bằng) chiếc xe máy Honda Future Neo màu đen – xám, biển kiểm soát 11F9 – 1292. Hiện nay, chiếc xe máy này đang được lưu giữ tại công an phường H.C, thành phố Cao Bằng. (Biên bản làm việc ngày 21/6/2021 tại công an phường H.C, thành phố Cao Bằng).

4. Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: Ông Vũ Công H phải chịu chi phí thẩm định và định giá tài sản là 3.000.000,đ (Ba triệu đồng). Xác nhận ông H đã nộp đủ số tiền chi phí thẩm định và định giá tài sản trong quá trình giải quyết vụ án.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Đối với án phí sơ thẩm: Do một phần yêu cầu khởi kiện ban đầu (đơn khởi kiện) và yêu cầu vượt quá phạm vi khởi kiện của ông H không được chấp nhận nên ông Vũ Công H phải chịu án phí giá ngạch của số tiền yêu cầu không được chấp nhận là: $89.000.000,đ \times 5\% = 4.450.000,đ$ (bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Nhưng được đối trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 1.675.000,đ (một triệu sáu trăm bảy mươi năm nghìn đồng), theo biên lai số AA/2018/0000985 ngày 26/02/2021 tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng. Nay ông H còn phải nộp thêm số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch

là 2.775.000,đ (hai triệu bảy trăm bảy mươi năm nghìn đồng) để sung quỹ nhà nước.

- Đối với án phí phản tố: Ông Nông Văn L phải chịu án phí phản tố đối với số tiền yêu cầu nhưng không được chấp nhận là 300.000,đ (ba trăm nghìn đồng) để sung quỹ nhà nước. Nhưng được đối trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 300.000,đ (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số AA/2018/0001021 ngày 26/4/2021 tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng. Xác nhận ông L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/02/2022 ông Vũ Công H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 26/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, yêu cầu cấp phúc thẩm: Xem xét lại toàn bộ nội dung bản án liên quan đến ông Vũ Công H.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn các khoản tiền tại đơn khởi kiện nguyên đơn đã trình bày.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn trình bày: Không nhất trí với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị HĐXX bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung và quan điểm giải quyết vụ án: Quan nghiên cứu hồ sơ và quá trình tranh tụng tại phiên tòa xét thấy có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Vũ Công H. Tại đơn khởi kiện ông Vũ Công H yêu cầu ông Nông Văn L phải trả cho ông H là 107.000.000đ. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc ông H phải chịu án phí với số tiền là 89.000.000đ là chưa chính xác. Tại khoản 3 điều 26 NQ 326/2016 quy định nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm “ Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn không được tòa án chấp nhận. Đề nghị HĐXX Căn cứ khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 26/1/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng về phần án phí.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Nguyên đơn ông Vũ Công H nộp đơn khởi kiện ông Nông Văn L yêu cầu Đòi lại tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản, sức khỏe, tinh thần. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*Đòi lại tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản, sức khỏe, tinh thần*” là có căn cứ và đúng pháp luật theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thẩm quyền:* Nguyên đơn Vũ Công H, bị đơn Nông Văn L đều cư trú tại thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, do đó Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng thụ lý giải quyết là có căn cứ, đúng thẩm quyền theo quy định tại điều 35 và điều 39 bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Tính hợp pháp của đơn kháng cáo:* Ngày 26/01/2022 Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tuyên bản án sơ thẩm số 05/2022/DS-ST về việc “*Đòi lại tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản, sức khỏe, tinh thần*” giữa nguyên đơn Vũ Công H và bị đơn Nông Văn L. Đến ngày 21 tháng 2 năm 2022 ông Vũ Công H có đơn kháng cáo tại tòa án. Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng đã mở phiên họp xét kháng cáo quá hạn của nguyên đơn Vũ Công H và ra quyết định chấp nhận kháng cáo quá hạn số 11/2022/QĐ-PT ngày 28/3/2022, ông Vũ Công H đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Như vậy, đơn kháng cáo của đương sự là hợp pháp.

[4] *Xét kháng cáo và các căn cứ kháng cáo của nguyên đơn Vũ Công H:* Tại đơn kháng cáo ông H kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm. Đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 26/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng. HĐXX xét thấy:

* Xét về các yêu cầu của nguyên đơn ông Vũ Công H trong vụ án:

Đối với yêu cầu bồi thường về danh dự, sức khỏe.... với số tiền 18.000.000,đ (mười tám triệu đồng). Trong quá trình xảy ra tranh chấp giữa hai bên có mâu thuẫn nhưng không xảy ra hành vi bạo lực về thể chất hoặc tinh thần; ông L cũng không có hành vi xúc phạm, hạ thấp uy tín, danh dự nhân phẩm của ông H và bà B. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông H xác định ông có nhiều suy tư, mất ngủ... nhưng không đi viện điều trị, cũng như không có kết luận của cơ sở y tế về tình trạng sức khỏe tinh thần, ông H cũng không xuất trình được các

tài liệu chứng cứ thể hiện tổn thất tinh thần hay việc danh dự nhân phẩm của ông bị xâm phạm. Do vậy yêu cầu của ông H đòi ông L bồi thường 18.000.000,đ là không có căn cứ để chấp nhận.

Về khoản tiền 50.000.000,đ và một số đồ vật gồm 02 (hai) dây cao su; 01 (một) buzi xe máy; 01 (một) kim điện; 02 (hai) cờ lê ước tính giá trị là 120.000đ (một trăm hai mươi nghìn đồng), một túm quần áo lót của bà Phạm Thị B ước tính 100.000đ (một trăm nghìn đồng). Tổng cộng là **50.220.000,đ** (năm mươi triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng) theo ông H khai là do bà B vợ ông để trong cốp xe máy và đã bị ông L lấy mất.

Sự việc này ông H không đưa ra được các tài liệu chứng cứ chứng minh việc ông để tài sản trong xe trước khi giao cho ông L, khi đem xe đến sửa ông H cũng không nói với ông L trong cốp xe có tài sản gì..., hai bên cũng không có trao đổi, thỏa thuận gì về việc ông L phải có nghĩa vụ trông giữ và chịu trách nhiệm về các tài sản ông H cho rằng để trong cốp xe máy. Sau 02 ngày xảy ra sự việc ông H mới đến trình báo với cơ quan công an và yêu cầu mở cốp xe để lấy tài sản nhưng cũng không nêu được tài sản trong cốp xe máy là những tài sản gì. Hơn nữa, không có ai biết hay chứng kiến việc ông L lấy tiền, tài sản trong cốp xe của ông H, cũng không có biên bản sự việc do cơ quan chức năng tiến hành lập theo quy định của pháp luật thể hiện thời gian, địa điểm ông L lấy trộm tài sản mà chỉ có lời khai của ông H và bà B.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông H cũng cung cấp cho Tòa án nhiều giấy chuyển tiền với nhiều giá trị chuyển tiền khác nhau... nhưng đây chỉ là tài liệu thể hiện ông H có giao dịch tiền với các chủ thể khác; không phải là chứng cứ vật chất để chứng minh trong cốp xe đã có số tiền 50.000.000,đ khi ông H đem xe đến sửa.

Việc ông H cho rằng bị mất số tiền 50.000.000đ đã được cơ quan công an tiến hành xác minh và trả lời cho ông H bằng văn bản không có đủ căn cứ kết luận ông L là người chiếm đoạt số tiền.

Do vậy, yêu cầu của ông H đòi ông L hoàn trả 50.000.000,đ (năm mươi triệu đồng) và các tài sản khác trong cốp xe máy là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với các yêu cầu ông Nông Văn L phải: Hoàn trả số tiền 800.000đ (tám trăm nghìn đồng) tiền công và phụ tùng thay thế xéc măng của xe máy; phải lắp lại hoàn chỉnh những phụ tùng của xe máy 11F9 - 1292 và trả lại chiếc xe máy trên cho ông H; bồi thường giá trị hao hụt của xe máy biển kiểm soát 11F9-1292 là 12.500.000đ (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/5/2021 người làm chứng ông Nguyễn Văn T là người đã từng làm việc phụ sửa chữa xe máy ở nhà ông Nông Văn L (tổ 04, phường H.C, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng) trình bày:

Tháng 5 năm 2020 ông Vũ Công H có mang xe máy đến quán ông L sửa, ông H bảo kiểm tra xe máy xem bị hỏng ở đâu, ông L có xem xét xe thì nói với ông H là xe ông H bị hỏng xéc măng, ông L đã thay, sửa chữa cho xe ông H và xe ông H đã đi được còn giá cả thay thế như thế nào thì ông T không rõ. Ông T cho rằng ông H rất vô lý, ban đầu mang xe đến sửa, đến khi thanh toán lại kỳ kèo không trả tiền trong khi ban đầu đã thống nhất với nhau. Theo ông T, ông H hoàn toàn sai, ông H mang xe đến sửa còn yêu cầu tháo lắp lại đồ cũ do không nhất trí thanh toán tiền sửa xe cho ông L.

Như vậy có cơ sở kết luận: Lần đầu ngày 10/5/2020 ông H tự mang xe đến yêu cầu ông L sửa xéc măng, ông L đã thực hiện đúng. Ông H đã lấy xe về và hứa trả tiền công, phụ tùng cho ông L và xe đã đi được, sau 15 ngày khi xe hỏng các bộ phận khác ông mới đem sửa và khi thanh toán tiền công, tiền phụ tùng lần thứ hai ông mới yêu cầu ông L phải trừ tiền công sửa xe, phụ tùng thay thế lần đầu 800.000đ là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu lắp lại những phụ tùng cũ của xe máy 11F9-1292 như ban đầu: Sau khi thay xéc măng xong khoảng hơn 15 ngày sau ông H lại mang xe đến bảo thay toàn bộ máy để đi lại cho “ngon”, giữa hai bên không có hợp đồng bằng văn bản hay thỏa thuận cụ thể về việc ông L phải dùng phụ tùng loại gì, của hãng nào để thay thế vào xe cho ông H. Cũng không có thỏa thuận nếu ông L không sửa được thì phải lắp trả phụ tùng cũ vào xe cho ông H.

Thực tế thì sau khi thay các phụ tùng xong ông H mang xe về cùng hoá đơn thay thế mà ông L kê, chứng tỏ ông H cũng đồng ý với chất lượng việc sửa xe mà ông L thực hiện và không có ý kiến ngay lúc đó. Tranh chấp phát sinh tại thời điểm mấy hôm sau ông H mang tiền ra trả thì ông H và ông L không thống nhất được giá cả phụ tùng ông L mua nên đã xảy ra to tiếng, lúc đó vợ chồng ông H có bảo tháo lại đồ trả lại cho ông L vì giá không hợp lý. Ông L có bảo ông Thành lấy đồ ra tháo lại các phụ tùng ông L đã thay thế và đã lắp lại phụ tùng cũ của xe cho ông H, đúng theo yêu cầu của ông H và ông Thành đã thực hiện xong. Việc tháo lắp lại phụ tùng cũ vào xe máy của ông H có sự chứng kiến của vợ chồng ông H, bà B đến khi sắp lắp xong xe thì ông H, bà B mới bỏ về, không lấy lại xe máy.

Ông H cho rằng đã có người trả giá 13.000.000đ để mua xe máy với ông nên yêu cầu ông L bồi thường hao hụt giá trị xe máy là 12.500.000đ vì qua định

giá chiếc xe hiện nay có giá trị 500.000đ nhưng ông không có tài liệu, chứng cứ chứng minh giá trị của xe máy tại thời điểm đem sửa với ông L là 13.000.000đ. Việc có người trả giá bao nhiêu để mua xe là do nhu cầu, sở thích và thị hiếu của họ, không phải là căn cứ để giải quyết khi hai bên có tranh chấp; khi sửa xe hai bên cũng không có thỏa thuận về việc ai là người phải chịu trách nhiệm về hao hụt giá trị chiếc xe máy. Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ, biên bản định giá tài sản ngày 13/10/2021 đối với chiếc xe máy Honda Future Neo, màu đen - xám, biển kiểm soát 11F9-1292 của ông Vũ Công H, hội đồng thẩm định và định giá tài sản đã thống nhất giá trị chiếc xe máy tại thời điểm thẩm định là 500.000 đồng. Các bên đương sự đã nhất trí với kết quả thẩm định, định giá nên yêu cầu của ông H buộc ông L bồi thường 12.500.000đ là không có căn cứ chấp nhận.

Việc ông H yêu cầu ông L trả lại xe: Ông H mang xe ra sửa, sau khi sửa xong không thanh toán tiền công và phụ tùng, cũng không lấy xe về là do ý chí của ông H, ông L không có hành vi chiếm đoạt hay chiếm giữ xe máy, thậm chí còn yêu cầu ông H phải trả tiền lưu kho là 10.000đ/ ngày. Tại buổi định giá xe được mang lên R sở công an Phường, sau đó ông H không chịu lấy xe máy về nên hiện nay xe vẫn để tại R sở Công an phường H.C là do lỗi của ông H. Do vậy khi giải quyết vụ kiện, ông H cũng phải có nghĩa vụ đem chiếc xe máy về nhà.

Đối với yêu cầu về tiền thuê xe đi lại mỗi ngày 50.000,đ từ ngày 08/7/2021 đến ngày 24/01/2022 thành tiền là 25.500.000,đ và tiền giá trị còn lại theo định giá của chiếc xe máy 11F9 - 1292 là 500.000,đ: Việc ông H đem xe đi sửa là tự nguyện, hai bên chỉ thỏa thuận và thực hiện công việc về thay thế một số phụ tùng của xe, không có thỏa thuận về việc ông L phải chịu tiền thuê xe đi lại hàng ngày cho ông H khi phát sinh tranh chấp. Hơn nữa, việc ông H không lấy xe về nhà là do ông, ông L không có lỗi như đã phân tích ở yêu cầu đòi bồi thường giá trị hao hụt chiếc xe ở trên. Hơn nữa, nếu ông H không nhất trí việc ông L sửa xe, thay thế phụ tùng với giá cao hơn giá ông H đưa ra thì ông hoàn toàn có quyền mang xe đi hiệu khác để sửa chữa nhưng ông không thực hiện mà sau khi định giá vẫn để mặc chiếc xe tại công an Phường. Cơ quan công an Phường không có nghĩa vụ trông giữ xe máy cho ông H nên khi giải quyết vụ kiện, việc ông H phải nhận lại xe máy vừa là quyền vừa là nghĩa vụ nên ông yêu cầu ông L bồi thường tiền đi lại hàng ngày và tiền giá trị còn lại theo định giá của chiếc xe máy 11F9 - 1292 tổng cộng là 26.000.000,đ là không có căn cứ chấp nhận.

* Đối với ý kiến và yêu cầu phản tố của ông Nông Văn L:

Yêu cầu ông H trả tiền xe lưu bãi 10.000đ/ngày (tính tròn 1 năm là 365 ngày) thành tiền là 3.650.000,đ: Do việc sửa xe giữa ông và ông H không có thỏa

thuận cụ thể, không có văn bản ghi nhận tiền lưu kho bãi, việc ông H để xe tại cửa hàng của ông cũng không gây ảnh hưởng lớn đến công việc và làm mất thu nhập của ông nên không có căn cứ chấp nhận.

Đối với công tháo lắp phụ tùng xe máy 03 lần: 300.000đ, tổng cộng: 900.000,đ. Ông H mang xe đến sửa lần đầu nên ông L phải có nghĩa vụ tháo lắp xe để thay xéc măng, lần thứ hai ông H mang xe đến thay thế côn, và bộ hơi: ông L nhận lời sửa xe nên phải có trách nhiệm tháo lắp xe để sửa.

Tuy nhiên, sau khi ông L đã sửa xe 02 lần, ông H chưa thanh toán tiền công, tiền phụ tùng lần nào lại xảy ra tranh chấp và bà B vợ ông H yêu cầu ông L tháo phụ tùng đã lắp vào ra để lắp trả lại xe như cũ. Lần thứ ba ông L phải tháo lắp xe theo yêu cầu của ông H, đây không phải là nghĩa vụ của ông L nên ông L yêu cầu ông H trả tiền tháo lắp xe là có căn cứ. Do vậy, cần chấp nhận một phần yêu cầu của ông L, buộc ông H trả cho ông L 01 lần với số tiền 300.000đ tiền công tháo lắp xe.

Đối với tiền mua phụ tùng 01 bộ tổng hơi, 01 bộ tổng côn: 1.700.000đ: Ông L đã phải bỏ tiền mua phụ tùng mới về để thay thế và xe đã hoạt động được, tại thời điểm nhận xe ông H không có ý kiến khác, sau hơn 10 ngày mới mang xe ra và không nhất trí trả tiền công, tiền phụ tùng do phụ tùng kém chất lượng. Do giữa ông H và ông L không thỏa thuận cụ thể về loại phụ tùng thay thế (như đã nhận định khi xem xét yêu cầu khởi kiện của ông H) mà chỉ yêu cầu sửa xe để đi cho “ngon” và ông H cũng đã nói “tiền không thành vấn đề”; do đó ông L đã mua phụ tùng mới thay thế, do ông H yêu cầu tháo ra thì phụ tùng đó không thể đem đổi, trả, lắp vào xe khác hay bán cho người khác. Do ông L không có lỗi nên yêu cầu của ông L là có căn cứ chấp nhận. Cần buộc ông H phải hoàn trả số tiền phụ tùng thay thế của xe máy (sửa xe lần 2) là 1.700.000,đ tiền công và tiền công sửa xe máy lần thứ hai là 300.000,đ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Nguyên đơn ông Vũ Công H là người cao tuổi (Luật Người cao tuổi) được miễn án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giải thích nhưng ông H không có đơn yêu cầu đề nghị miễn nộp án phí, do vậy không có căn cứ để miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí dân sự đối phần yêu cầu của các bên không được Tòa án chấp nhận. Cụ thể:

Đối với án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện ban đầu (đơn khởi kiện) và yêu cầu vượt quá phạm vi khởi kiện của ông H không được chấp nhận nên ông Vũ Công H phải chịu án phí giá ngạch của số tiền yêu cầu không được chấp nhận là: 107.000.000đ (Một trăm linh bảy triệu đồng chịu án phí giá ngạch 5% theo quy định cụ thể như sau: $107.000.000,đ \times 5\% = 5.350.000,đ$ (năm triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng)). Nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 1.675.000,đ (một triệu sáu trăm bảy mươi năm nghìn đồng), theo biên lai số AA/2018/0000985 ngày 26/02/2021 tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng. Nay ông H còn phải nộp thêm số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.675.000,đ (ba triệu sáu trăm bảy mươi năm nghìn đồng) để sung quỹ nhà nước.

- Đối với án phí phản tố: Ông Nông Văn L phải chịu án phí phản tố đối với số tiền 4.250.000,đ (bốn triệu hai trăm mười nghìn đồng) nhưng không được chấp nhận là 300.000,đ (ba trăm nghìn đồng) để sung quỹ nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 300.000,đ (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số AA/2018/0001021 ngày 26/4/2021 tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng.

[6] Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: Do yêu cầu khởi kiện của ông H không được chấp nhận nên ông H phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định và định giá là 3.000.000 đồng. Xác nhận ông Vũ Công H đã nộp đủ tiền chi phí thẩm định và định giá tài sản.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của ông Vũ Công H, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 26/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng về án phí.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tại phiên tòa phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Vũ Công H được chấp nhận một phần nên ông H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Vũ Công H. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 26/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Công H và một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nông Văn L.

Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện và yêu cầu khác vượt quá phạm vi đơn khởi kiện tại phiên tòa của ông Vũ Công H gồm các khoản sau:

- Yêu cầu ông Nông Văn L hoàn trả số tiền 800.000đ (tám trăm nghìn đồng) tiền công và phụ tùng thay thế xéc măng của xe máy.

- Yêu cầu ông Nông Văn L phải bồi thường giá trị hao hụt của xe máy biển kiểm soát 11F9-1292 là 12.500.000đ (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) và tiền giá trị còn lại theo định giá của chiếc xe máy 11F9 - 1292 là 500.000,đ00 (năm trăm nghìn đồng).

- Yêu cầu ông Nông Văn L phải bồi thường tổn thất tinh thần, sức khỏe là 18.000.000đ (mười tám triệu đồng).

- Yêu cầu ông Nông Văn L phải trả lại các tài sản ông Vũ Công H đang cất giữ trong chiếc xe máy biển kiểm soát 11F9-1292 gồm: Số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng); Các đồ vật gồm 02 (hai) dây cao su; 01 (một) buzi xe máy; 01 (một) kim điện; 02 (hai) cờ lê ước tính giá trị là 120.000đ (một trăm hai mươi nghìn đồng); Một túm quần áo lót của bà Phạm Thị B ước tính 100.000đ (một trăm nghìn đồng).

- Tiền thuê xe đi lại mỗi ngày 50.000,đ00 từ ngày 08/7/2021 đến ngày 24/01/2022 thành tiền là 25.500.000,đ.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nông Văn L về khoản tiền công tháo lắp xe là 600.000,đ (sáu trăm nghìn đồng) và tiền trông giữ xe máy với số tiền là 3.650.000,đ (Ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng số tiền là 4.250.000, đ (Bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Buộc ông Vũ Công H phải trả cho ông Nông Văn L (địa chỉ: Tổ 4, phường H.C, thành phố Cao Bằng) số tiền mua phụ tùng để thay thế, sửa chữa là:

1.700.000,đ (một triệu bảy trăm nghìn đồng) và 300.000,đ(ba trăm nghìn đồng) tiền công sửa chữa xe máy. Cộng cả hai khoản là 2.000.000, đ (hai triệu đồng).

4. Trả lại cho ông Vũ Công H (địa chỉ: Tổ 4, phường H.C, thành phố Cao Bằng) chiếc xe máy Honda Future Neo màu đen – xám, biển kiểm soát 11F9 – 1292. Hiện nay, chiếc xe máy này đang được lưu giữ tại công an phường H.C, thành phố Cao Bằng. (Biên bản làm việc ngày 21/6/2021 tại công an phường H.C, thành phố Cao Bằng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: Ông Vũ Công H phải chịu chi phí thẩm định và định giá tài sản là 3.000.000,đ (Ba triệu đồng). Xác nhận ông H đã nộp đủ số tiền chi phí thẩm định và định giá tài sản trong quá trình giải quyết vụ án.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Đối với án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện ban đầu (đơn khởi kiện) và yêu cầu vượt quá phạm vi khởi kiện của ông H không được chấp nhận nên ông Vũ Công H phải chịu án phí giá ngạch của số tiền yêu cầu không được chấp nhận là: 107.000.000đ (Một trăm linh bảy triệu đồng). Nhưng được đối trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 1.675.000,đ (một triệu sáu trăm bảy mươi năm nghìn đồng), theo biên lai số AA/2018/0000985 ngày 26/02/2021 tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng. Nay ông H còn phải nộp thêm số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.675.000,đ (ba triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) để sung quỹ nhà nước.

- Đối với án phí phản tố: Ông Nông Văn L phải chịu án phí phản tố đối với số tiền yêu cầu nhưng không được chấp nhận là 300.000,đ (ba trăm nghìn đồng) để sung quỹ nhà nước. Nhưng được đối trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 300.000,đ (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số AA/2018/0001021 ngày 26/4/2021 tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng. Xác nhận ông L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Vũ Công H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho ông H số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số 0003133 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh CB;
- Chi cục THADS TPCB;
- TAND TPCB;
- Các đương sự;
- Tổ HCTP
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngôn Ngọc Viên